



TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HÒA GIẢI TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG PHẦN VỐN GÓP TẠI TÒA ÁN

Nguyễn Nho Hoàng

Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Đường Võ Văn Kiệt, TP Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: **Nguyễn Nho Hoàng** <nguyennhohoang@gmail.com>

(Ngày nhận bài: 31-05-2024; Ngày chấp nhận đăng: 09-12-2024)

Tóm tắt. Hòa giải có ý nghĩa hết sức quan trọng và cần thiết khi giải quyết các tranh chấp nói chung và tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp nói riêng. Bài viết tập trung phân tích trình tự, thủ tục hòa giải trong giải quyết tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp tại tòa án. Trên cơ sở đó làm rõ những ưu điểm và hạn chế của pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp tại Tòa án, để làm cơ sở đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

Từ khóa: Hòa giải; Tòa án; Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp

PROCEDURES FOR RESOLVING DISPUTES OVER CAPITAL CONTRIBUTION TRANSFER CONTRACTS IN COURT

Nguyen Nho Hoang

University of Law, Hue University, Vo Van Kiet St., Hue City, Vietnam

Correspondence to **Nguyen Nho Hoang** <nguyennhohoang@gmail.com>

(Received: May 31, 2024; Accepted: December 09, 2024)

Summary: Mediation is crucial in resolving disputes concerning capital contribution transfer contracts. This article examines the processes and procedures involved in mediation for such disputes in a court setting. It further outlines the benefits and limitations of existing mediation laws about capital contribution transfer contracts, ultimately proposing solutions to enhance legal frameworks in this area.

Keywords: Mediation; Court; Capital contribution transfer contract

1. Đặt vấn đề

Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp được hiểu là một hình thức ghi nhận sự thỏa thuận giữa chủ sở hữu phần vốn góp với bên nhận chuyển nhượng. Với hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng có thể thiết lập các điều khoản để ràng buộc các cam kết, trách nhiệm pháp lý với nhau và với các cơ quan công quyền¹. Trong những năm gần đây hoạt động chuyển nhượng phần vốn góp rất phát triển, bởi nó được đánh giá là một trong những cơ hội đầu tư tiềm năng. Vì thế, hoạt động chuyển nhượng phần vốn góp trở nên khá phổ biến trong giới đầu tư, dẫn đến các tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày càng trở nên đa dạng và phức tạp. Khi phát sinh tranh chấp, các bên tham gia vào hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp thường lựa chọn nhiều phương thức khác nhau để giải quyết tranh chấp, trong đó có phương thức giải quyết tranh chấp bằng Tòa án. Khi giải quyết tranh chấp bằng Tòa án, thì hòa giải là một trong những thủ tục mà Tòa án sẽ phải thực hiện.

Việc hòa giải các tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp được thực hiện tại Tòa án bao gồm hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án do Hòa giải viên (HGV) thực hiện hoặc hòa giải theo thủ tục tố tụng dân sự qui định trong Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) do Thẩm phán thực hiện. Nếu hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì việc hòa giải được HGV thực hiện trước khi Tòa án thụ lý vụ án. Khi các bên tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì phải tiến hành hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án trừ trường hợp một trong các bên đương sự không yêu cầu hoặc thuộc các trường hợp không được hòa giải. Khi HGV của Tòa án tiến hành hòa giải mà không thành thì Tòa án mới thụ lý vụ án để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Nếu tranh chấp đó được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự được quy định trong BLTTDS thì hòa giải là một phần của thủ tục tố tụng, nên Tòa án phải tiến hành hòa giải đối với những tranh chấp này. Việc hòa giải có ý nghĩa hết sức quan trọng và cần thiết khi giải quyết các tranh chấp nói chung và tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp nói riêng. Tuy nhiên, pháp luật quy định về trình tự, thủ tục hòa giải các tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp tại Tòa án còn tồn tại một số bất cập nhất định. Vì vậy, bên cạnh phân tích làm rõ những ưu điểm, bài viết phân tích một số bất cập của pháp luật về vấn đề này và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật.

¹ Võ Trung Kiên (2020), *Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Tr. 9–10.

2. Trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng phần góp vốn tại tòa án

2.1. Trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng phần góp vốn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Hòa giải theo thủ tục tố tụng dân sự tại tòa án được quy định trong BLTTDS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2020 (BLTTDS) từ Điều 205 đến Điều 213. Theo những qui định này thì hòa giải được xem là một thủ tục tố tụng bắt buộc trừ trường hợp những vụ án không hòa giải được, không được hòa giải và những vụ án giải quyết theo thủ tục rút gọn. Việc hòa giải các tranh chấp nói chung và hòa giải tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp nói riêng cần phải thực hiện theo đúng quy định của BLTTDS năm 2015, cụ thể:

Thứ nhất, trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp trước khi mở phiên tòa sơ thẩm.

Một là, triệu tập đương sự.

Trước khi tiến hành phiên hòa giải, Thẩm phán phải thông báo cho đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự về thời gian, địa điểm tiến hành phiên hòa giải và nội dung của phiên hòa giải. Thủ tục thông báo phải tuân theo quy định tại Chương X BLTTDS năm 2015 về cấp, tổng đạt thông báo văn bản tố tụng. Việc BLTTDS năm 2015 quy định Thẩm phán phải thông báo rõ nội dung cần hòa giải trong thông báo về phiên hòa giải sẽ giúp các đương sự chuẩn bị trước các nội dung, phương án hòa giải về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp. Do vậy, phiên hòa giải đạt hiệu quả cao hơn.

Việc nghiên cứu cho thấy, tùy thuộc vào nội dung mà các bên tranh chấp để thẩm phán thông báo các nội dung cần hòa giải, đối với vụ án tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp thường có các nội dung tranh chấp như: Giá trị phần vốn góp (xác định giá trị phần vốn góp mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng); phương thức thanh toán (thời gian thanh toán, hình thức thanh toán tiền mặt, chuyển khoản ngân hàng, tài sản khác) và các điều khoản thanh toán liên quan; tiến độ thực hiện hợp đồng (thỏa thuận về tiến độ thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng, bao gồm thời gian hoàn thành chuyển nhượng phần vốn góp); quyền và nghĩa vụ sau khi chuyển nhượng (quyền và nghĩa vụ của các bên sau khi hoàn tất chuyển nhượng phần vốn góp, bao gồm quyền tham gia quản lý công ty, quyền nhận lợi nhuận, và các trách nhiệm pháp lý khác); điều kiện và thủ tục thay đổi thông tin đăng ký kinh doanh (điều kiện và thủ tục cần thiết để thay đổi thông tin đăng ký kinh doanh tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi hoàn tất chuyển nhượng phần vốn góp. Đảm bảo rằng các bên tuân thủ đúng quy định pháp luật về đăng ký thay đổi cổ đông hoặc thành viên góp vốn), v.v.

Hòa giải là một quá trình giải quyết tranh chấp mang tính chất riêng tư, trong đó hòa giải viên là người thứ ba trung gian giúp các bên tranh chấp đạt được một sự thỏa thuận² và giúp đưa ra các đề nghị giải quyết một cách thân thiện³. Vì vậy, hòa giải là sự thể hiện ý chí của các đương sự về phương án giải quyết tranh chấp nên các đương sự phải có mặt để thỏa thuận với nhau. Nếu có đương sự vắng mặt thì tùy từng trường hợp mà Tòa án quyết định giải quyết theo các hướng sau:

+ Trường hợp vắng mặt bị đơn: Nếu bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt thì sẽ thuộc trường hợp vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 BLTTDS năm 2015. Do vậy, Tòa án sẽ quyết định đưa vụ án ra xét xử. Nếu bị đơn vắng mặt lần thứ nhất thì Tòa án sẽ phải hoãn phiên hòa giải. Nếu triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng thì dù có lý do chính đáng hay không, Tòa án sẽ quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Như vậy, đối với trường hợp này, quy trình tố tụng sẽ được tiếp tục mà không cần phải tiến hành thêm bất kỳ buổi hòa giải nào nữa. Điều này nhằm đảm bảo tiến độ xử lý vụ án và tránh việc bị đơn sử dụng lý do vắng mặt để kéo dài thời gian giải quyết vụ án một cách không hợp lý.

+ Trường hợp vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nếu nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lý do chính đáng không thể tham gia hòa giải được thì Tòa án sẽ mở phiên tòa xét xử theo thủ tục chung. Tuy nhiên, nếu nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do chính đáng thì Tòa án sẽ căn cứ vào Khoản 2 Điều 217 BLTTDS để ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hoặc không. Điều này có nghĩa là vụ án sẽ không được tiếp tục xét xử và các quyền yêu cầu của nguyên đơn sẽ không được giải quyết tại thời điểm đó. Việc tham gia đầy đủ và đúng hạn trong các buổi hòa giải và xét xử là rất quan trọng đối với nguyên đơn và các bên liên quan, để đảm bảo rằng quyền và lợi ích của mình được bảo vệ một cách tốt nhất trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án.

+ Trường hợp đương sự vắng mặt trong vụ án có nhiều đương sự: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 209 BLTTDS thì: Trong một vụ án có nhiều đương sự, mà có đương sự vắng mặt trong phiên hòa giải nhưng các đương sự có mặt vẫn đồng ý tiến hành hòa giải và việc hòa giải đó không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì Thẩm phán tiến hành hòa giải giữa các đương sự có mặt; nếu các đương sự đề nghị hoãn phiên hòa giải để có mặt tất cả các đương sự trong vụ án thì Thẩm phán phải hoãn phiên hòa giải.

Pháp luật quy định cách thức xử lý khi đương sự được triệu tập tham gia hòa giải như trên là tương đối hợp lý, góp phần bảo đảm việc giải quyết vụ án một cách kịp thời, nhanh chóng. Đặc biệt đối với vụ án tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp thì việc giải quyết kịp thời là rất quan trọng, vì tính chất đặc thù của các tranh chấp này liên quan đến

² Black, H. C, (1991), *Black's Law Dictionary (Từ điển Luật học Anh - Mỹ)*, West Pub Co, Tr. 3781.

³ Cornu, G, (1990), *Vocabulaire Juridique (Từ điển Luật học của Pháp)*, Presses Universitaires de France - PUF, Tr. 378.

tài sản và quyền lợi kinh doanh. Vì vậy, Tòa án cần phải đảm bảo rằng mọi quy trình tố tụng được thực hiện một cách nhanh chóng và hiệu quả, nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của các bên.

Hai là, tổ chức phiên hòa giải.

Thẩm phán phổ biến cho các đương sự về các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các đương sự liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lý của việc hòa giải thành để họ tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Thẩm phán yêu cầu các bên đương sự trình bày ý kiến theo thứ tự như sau:

+ Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày nội dung tranh chấp, bổ sung yêu cầu khởi kiện; những căn cứ để bảo vệ yêu cầu khởi kiện và đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải, hướng giải quyết vụ án (nếu có). Đối với hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp, nguyên đơn cần xác định rõ tranh chấp xoay quanh vấn đề gì, chẳng hạn như vi phạm điều khoản hợp đồng, không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, hoặc tranh chấp về quyền sở hữu phần vốn góp sau khi chuyển nhượng. Trên cơ sở đó nguyên đơn cần nêu rõ yêu cầu cụ thể mà họ muốn Tòa án xem xét và giải quyết, chẳng hạn như yêu cầu bồi thường thiệt hại, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, hoặc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng. Nguyên đơn có thể đề xuất hướng giải quyết vụ án mà họ cho là phù hợp và công bằng. Điều này có thể bao gồm việc đề nghị Tòa án đưa ra phán quyết về một số điểm tranh chấp cụ thể, hoặc đề nghị một số biện pháp khắc phục như bồi thường thiệt hại hoặc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

+ Bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu phản tố (nếu có); những căn cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn; những căn cứ để bảo vệ yêu cầu phản tố của mình và đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải, hướng giải quyết vụ án (nếu có). Đối với vụ án tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ cần xác định họ phản đối hay chấp nhận toàn bộ hoặc một phần các yêu cầu của nguyên đơn. Nếu phản đối, bị đơn cần giải thích lý do chi tiết tại sao họ không đồng ý với các yêu cầu này. Bị đơn cần cung cấp thông tin chi tiết về sự kiện liên quan đến tranh chấp, từ góc nhìn của họ, để Tòa án có cái nhìn toàn diện về vụ việc. Bị đơn cần nêu rõ yêu cầu phản tố của mình, nếu có. Yêu cầu phản tố có thể bao gồm việc yêu cầu bồi thường thiệt hại, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ hợp đồng từ phía nguyên đơn, hoặc yêu cầu hủy bỏ hợp đồng.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn; trình bày yêu cầu độc lập của mình (nếu có); những căn cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn; những căn cứ để bảo vệ yêu cầu độc lập của mình và đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải, hướng giải quyết vụ án (nếu có). Như vậy, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên hòa giải

phải đưa ra chứng cứ và lập luận pháp lý để phản đối các yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn. Điều này có thể bao gồm việc chứng minh rằng các yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn như yêu cầu bồi thường do vi phạm hợp đồng hoặc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng vốn góp... là không hợp lý, không có căn cứ pháp lý, hoặc không phù hợp với thực tế.

+ Người khác tham gia phiên họp hòa giải (nếu có) phát biểu ý kiến.

Sau khi các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày hết ý kiến của mình, Thẩm phán xác định những vấn đề các đương sự đã thống nhất, chưa thống nhất và yêu cầu các đương sự trình bày bổ sung về những nội dung chưa rõ, chưa thống nhất. Sau cùng Thẩm phán kết luận về những vấn đề các đương sự đã thống nhất, chưa thống nhất. Ý kiến trình bày của các bên và kết luận của Thẩm phán sẽ được ghi vào biên bản hòa giải.

Ba là, xử lý kết quả hòa giải.

+ Thủ tục áp dụng trong trường hợp hòa giải không thành

Trong trường hợp hòa giải không thành nhưng có các căn cứ đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án theo quy định tại Điều 214 và Điều 217 BLTTDS thì Tòa án sẽ ra quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án tương ứng với từng trường hợp. Nếu không có các căn cứ tạm đình chỉ và đình chỉ vụ án thì Tòa án sẽ ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, để đảm bảo “mọi tranh chấp, mâu thuẫn trong xã hội đều được giải quyết”.

+ Thủ tục áp dụng trong trường hợp hòa giải thành

Trong trường hợp các bên hòa giải thành, nghĩa là các bên thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án và án phí thì Tòa án sẽ lập biên bản hòa giải thành. Tuy nhiên, biên bản hòa giải thành này chưa có hiệu lực pháp luật mà chỉ ghi nhận sự thỏa thuận của các bên. Sự thỏa thuận của các bên sẽ có hiệu lực ràng buộc các bên sau khi Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Theo quy định tại Điều 212 và Điều 213 BLTTDS thì thủ tục trong trường hợp hòa giải thành được quy định cụ thể như sau:

Hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó thì Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải hoặc một Thẩm phán được Chánh án Tòa án phân công phải ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự chỉ có thể bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm nếu có căn cứ cho rằng sự thỏa thuận đó là do bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa, cưỡng ép hoặc vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội. Thẩm phán chỉ ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Trong trường hợp hòa giải có đương sự vắng mặt mà các đương sự có mặt thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì thỏa thuận đó chỉ có giá trị đối với những người có

mặt và được thẩm phán ra quyết định công nhận nếu không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt. Trường hợp thỏa thuận của họ có ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì thỏa thuận này chỉ có giá trị và được Thẩm phán ra quyết định công nhận nếu được đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải đồng ý bằng văn bản.

Như vậy, thủ tục xử lý kết quả hòa giải nêu trên cũng được áp dụng đối với vụ án tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp, nhằm đảm bảo các bên đương sự khi lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp đều có cơ hội giải quyết mâu thuẫn một cách hòa bình và hiệu quả trước khi tiếp tục với các bước tố tụng pháp lý tiếp theo.

Thứ hai, thủ tục công nhận thỏa thuận về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm.

Hòa giải là một nguyên tắc xuyên suốt trong cả quá trình tố tụng dân sự và được Nhà nước khuyến khích thực hiện trong tất cả các giai đoạn tố tụng. Vì vậy, trước khi đưa vụ án ra Tòa án để xét xử, mặc dù Thẩm phán phụ trách vụ án đã đã tiến hành hòa giải, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm chủ tọa vẫn hỏi các đương sự về việc hòa giải, hỏi xem đến thời điểm xét xử vụ án các đương sự có thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án không. Cụ thể khoản 1 Điều 246 BLTTDS quy định: “Chủ tọa phiên tòa hỏi các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không; trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội thì Hội đồng xét xử ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án”. Khoản 1 Điều 300 BLTTDS quy định: “Tại phiên tòa phúc thẩm, nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội thì Hội đồng xét xử phúc thẩm ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự”. Như vậy, khi giải quyết tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp, quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên hòa giải có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Quyết định này chỉ có thể bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm nếu có căn cứ cho rằng sự thỏa thuận đó là kết quả của sự nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa, cưỡng ép, hoặc vi phạm quy định của pháp luật, trái với đạo đức xã hội. Quy định này nhằm đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong việc giải quyết tranh chấp liên quan đến việc chuyển nhượng phần vốn góp, đồng thời bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên tham gia.

2.2. Trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Trước khi Tòa án thụ lý vụ án để giải quyết vụ án tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp thì vụ án đó phải được tiến hành hòa giải theo Luật HGĐTTA (trừ

trường hợp các bên đương sự yêu cầu không hòa giải). Trình tự, thủ tục hòa giải được tiến hành theo các bước sau:

Bước một, tiến hành phiên hòa giải.

HGV giới thiệu thành phần tham gia phiên hòa giải; trình bày nội dung cần hòa giải các tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp; diễn biến quá trình chuẩn bị hòa giải; phổ biến quy định của pháp luật, phân tích hậu quả pháp lý của việc hòa giải thành. Các đương sự trình bày ý kiến của mình và đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải; hướng giải quyết tranh chấp. HGV có nhiệm vụ hỗ trợ các bên trao đổi ý kiến, trình bày bổ sung về những nội dung chưa rõ và đi đến thống nhất việc giải quyết tranh chấp⁴.

Khi các bên đạt được sự thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ hoặc một phần nội dung tranh chấp, HGV ấn định thời gian, địa điểm mở phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải. Phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải có thể được tổ chức ngay sau phiên hòa giải hoặc vào thời gian phù hợp khác⁵. Thành phần phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án gồm: HGV; các bên đương sự; Thẩm phán⁶. HGV hoãn phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: Hòa giải viên, Thẩm phán tham gia phiên họp vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; theo yêu cầu của các bên... Thời gian hoãn phiên họp là không quá 07 ngày kể từ ngày ra thông báo hoãn phiên họp. Hết thời gian hoãn, HGV phải mở lại phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải⁷.

Bước hai, về trình tự phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án.

Hòa giải viên trình bày tóm tắt nội dung các bên đã thống nhất. Các bên phát biểu ý kiến về nội dung đã thống nhất. Trường hợp nội dung thống nhất của các bên chưa rõ thì Thẩm phán yêu cầu các bên trình bày bổ sung. Hòa giải viên lập biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và đọc lại biên bản cho các bên nghe. Thẩm phán phải giữ bí mật thông tin về nội dung hòa giải do các bên cung cấp tại phiên họp theo yêu cầu của họ⁸. Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải được lưu vào hồ sơ hòa giải và giao cho các bên có mặt. Trường hợp, có đương sự vắng mặt thì Hòa giải viên phải gửi biên bản cho họ để họ có ý kiến.

Bước ba, về thủ tục ra quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án.

Theo quy định tại Điều 32 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, sau khi lập biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, HGV chuyển biên bản cùng tài liệu kèm theo cho Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành trong trường hợp các bên có yêu cầu. Thời hạn chuẩn bị ra

⁴ Xem Điều 26 Luật HGĐT tại Tòa án.

⁵ Xem Điều 27 Luật HGĐT tại Tòa án.

⁶ Xem Điều 28 Luật HGĐT tại Tòa án.

⁷ Xem Điều 29 Luật HGĐT tại Tòa án.

⁸ Xem Điều 30 Luật HGĐT tại Tòa án.

quyết định là 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản và tài liệu kèm theo. Trong thời hạn này, Thẩm phán được Chánh án Tòa án phân công xem xét ra quyết định có các quyền sau đây: (1) Yêu cầu một hoặc các bên trình bày ý kiến về kết quả hòa giải thành đã được ghi tại biên bản; (2) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp cho Tòa án tài liệu làm cơ sở cho việc ra quyết định, nếu xét thấy cần thiết. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được Tòa án yêu cầu có trách nhiệm trả lời Tòa án trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án. Hết thời hạn này, trường hợp có đủ điều kiện thì Thẩm phán ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành. Trường hợp không có đủ điều kiện thì Thẩm phán ra quyết định không công nhận kết quả hòa giải thành và nêu rõ lý do. Thẩm phán chuyển quyết định, biên bản và tài liệu kèm theo cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật về tố tụng. Quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành được gửi cho các bên và Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Bước bốn, về điều kiện công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án.

Điều kiện công nhận kết quả hòa giải thành tại hòa giải tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp tại Tòa án khi có đủ các điều kiện sau đây: (1) Các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; (2) Các bên là người có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận, thống nhất; (3) Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; (4) Trường hợp nội dung thỏa thuận hòa giải của các bên liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người khác nhưng người đó không có mặt tại phiên hòa giải thì thỏa thuận, thống nhất chỉ được công nhận khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của họ; (5) Trường hợp các bên thỏa thuận, thống nhất được một phần tranh chấp về nội dung trong hợp đồng chuyển nhượng vốn góp thì chỉ được công nhận khi nội dung thỏa thuận, thống nhất không liên quan đến các phần khác của tranh chấp đó. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của BLTTDS. Quyết định được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự⁹. Quyết định có thể bị xem xét lại nếu có căn cứ cho rằng nội dung thống nhất của các bên vi phạm một trong các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật HGDTTĐA.

3. Bất cập, hạn chế quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp tại tòa án

Thứ nhất, đối với hòa giải theo thủ tục tố tụng, BLTTDS năm 2015 chưa quy định hợp lý về thời điểm tiến hành hòa giải.

⁹ Xem Điều 35 Luật HGDT tại Tòa án.

Việc chọn thời điểm để tiến hành phiên hòa giải có ý nghĩa quan trọng và mang tính quyết định. Đặc biệt là vụ án tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp, vì hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp thường liên quan đến việc thay đổi cơ cấu sở hữu và quyền lợi trong doanh nghiệp. Việc giải quyết tranh chấp kịp thời giúp tránh gián đoạn hoạt động của doanh nghiệp và bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan. Tuy nhiên, để hoạt động hòa giải được thực hiện hiệu quả, thì việc xác định thời điểm hòa giải là rất quan trọng. Vì vậy, Thẩm phán cần có thời gian tìm hiểu rõ nguyên nhân mâu thuẫn, đồng thời cho đương sự thời gian để giảm tâm lý căng thẳng, đối kháng với bên tranh chấp. Bởi vì theo quy định mới thì khi đương sự nộp đơn khởi kiện Tòa án chưa tiến hành thụ lý ngay mà phải hòa giải theo Luật Đối thoại tại Tòa án. Tòa án thụ lý vụ án nghĩa là trước đó họ đã hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, họ mang tâm lý đối kháng, không muốn thương lượng giải quyết. Do đó, nếu Tòa án vừa thụ lý đã mời hòa giải thì kết quả hòa giải thành là không cao. Tuy nhiên, nếu thẩm phán tìm hiểu rõ nguyên nhân mâu thuẫn, thu thập các tài liệu chứng cứ cần thiết, đồng thời đưa ra nhiều phương án để đương sự suy nghĩ và lựa chọn thì kết quả hòa giải thành sẽ cao hơn.

Thứ hai, đối với hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, pháp luật chưa quy định hợp lý về thời hạn chuẩn bị ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp.

Theo quy định tại Điều 32 Luật HGĐTTTA trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản và tài liệu ghi nhận kết quả đối thoại do HGV chuyển cho Tòa án, Thẩm phán được phân công sẽ ra quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải. Để tránh trường hợp ra quyết định không chính xác, pháp luật quy định trong thời hạn này, Thẩm phán được Chánh án Tòa án phân công xem xét ra quyết định có các quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp cho Tòa án tài liệu làm cơ sở cho việc ra quyết định, nếu xét thấy cần thiết. Tuy nhiên, việc nghiên cứu thực tế cho thấy không phải trong trường hợp nào các cơ quan có thẩm quyền cũng chuyển tài liệu mà thẩm phán yêu cầu đúng hạn. Vì vậy, nếu không cho gia hạn đối với những trường hợp mà cơ quan có thẩm quyền không cung cấp hồ sơ thì rất khó để Thẩm phán ban hành một quyết định chính xác. Vì vậy, tác giả thấy rằng quy định thời hạn này là 15 ngày và không cho gia hạn là hơi cứng nhắc.

4. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp tại tòa án

** Bộ luật Tố tụng dân sự cần quy định cụ thể thời điểm hòa giải là khi Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ và cần thiết để ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.*

Việc chọn thời điểm phù hợp để tiến hành phiên hòa giải không chỉ có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng giải quyết tranh chấp mà còn góp phần vào sự ổn định và phát triển của các giao dịch kinh doanh liên quan đến chuyển nhượng phần vốn góp. Vì vậy, thời điểm thích hợp

để tổ chức phiên hòa giải nên được tiến hành vào thời điểm là khi Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ và cần thiết để ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Điều này đảm bảo rằng các bên có thể thảo luận một cách thông thái và hiệu quả về các vấn đề tranh chấp, đồng thời tăng khả năng đạt được một thỏa thuận hợp lý và công bằng. Khi Tòa án đã có đầy đủ thông tin cần thiết, các bên sẽ có cơ sở rõ ràng hơn để đưa ra các giải pháp hòa giải và đạt được sự đồng thuận.

Thực hiện hòa giải vào thời điểm này cũng giúp tăng cường tính minh bạch và hiệu quả của quá trình giải quyết tranh chấp, đồng thời giảm thiểu nguy cơ xảy ra các tranh chấp thêm trong quá trình xét xử. Đảm bảo rằng phiên hòa giải được tổ chức đúng thời điểm cũng góp phần tạo điều kiện cho các bên giải quyết mâu thuẫn một cách nhanh chóng và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh và giá trị của phần vốn góp. Từ những phân tích trên cho thấy, BLTTDS năm 2015 cần quy định cụ thể thời điểm hòa giải là khi Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ và cần thiết để ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

** Sửa đổi, bổ sung Điều 32 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án theo hướng cho phép gia hạn đối với thời hạn chuẩn bị ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành.*

Như đã phân tích ở trên, Điều 32 Luật HGĐTTTA quy định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản và tài liệu ghi nhận kết quả đối thoại do HGV chuyển cho Tòa án, Thẩm phán được phân công sẽ ra quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải và không cho gia hạn thời hạn này là chưa hợp lý. Vì vậy, chúng tôi thấy rằng Điều 32 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án nên sửa đổi theo hướng cho phép gia hạn đối với thời hạn chuẩn bị ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành từ 10 đến 15 ngày đối với những vụ án phức tạp cần thu thập tài liệu chứng cứ từ các cơ quan, tổ chức khác mà các cơ quan này không cung cấp đúng thời hạn.

Việc cho phép gia hạn thời gian sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho HGV và các bên tranh chấp trong việc thu thập và xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ cần thiết để đưa ra quyết định công nhận kết quả hòa giải. Điều này không chỉ giúp đảm bảo rằng phương án hòa giải của HGV được đưa ra trên cơ sở thông tin đầy đủ và chính xác, mà còn bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên trong vụ án. Đồng thời, việc gia hạn thời gian cũng giúp giảm áp lực và rủi ro cho HGV trong việc đưa ra phương án hòa giải trong những vụ án có tính chất phức tạp, từ đó góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình giải quyết tranh chấp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cornu, G, (1990), *Vocabulaire Juridique (Từ điển Luật học của Pháp)*, Presses Universitaires de France – PUF.
2. Black, H. C, (1991), *Black's Law Dictionary (Từ điển Luật học Anh – Mỹ)*, West Pub Co.
3. Võ Trung Kiên (2020), *Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật, Đại học Huế.
4. Quốc Hội, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
5. Quốc Hội, Luật Hòa giải đối thoại tại tòa án năm 2020.